TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 198/2020/DS-ST
Ngày: 23-12-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Quang

Bà Trương Thị Hằng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phien tòa số: 63/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà K: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp 7, xã LTA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Ngày 06/11/2015 âm lịch bà K có cho bà Q vay số tiền 450.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận nợ và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thỏa thuận khi nào bà K cần lấy lại số tiền trên sẽ báo trước cho bà Q 01 tháng. Sau khi vay bà Q có trả được nhiều lần số tiền 85.000.000 đồng thì ngưng không trả nên phát sinh tranh chấp. Nay bà K khởi kiện yêu cầu bà Q trả số tiền còn nợ là 365.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thanh Q trình bày: Vào trước năm 2015 nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể, bà Q có vay của bà K 45.000.000 đồng, sau đó có trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Bà K thấy bà Q trả nợ tốt nên có nói với bà Q tìm người nào cần vay thì giới thiệu cho bà K, khi đó bà Q mới giới thiệu Trần Thị Mộng T vay 30.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L vay 70.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh Tr vay 60.000.000 đồng, ông Sang vay 285.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Q là người trực tiếp nhận tiền về đưa lại cho những người trên và bà T, bà L, ông Tr, ông Sang có viết biên nhận nợ cho bà Q. Việc trả lãi và vốn thì đưa cho bà Q và bà Q đến đóng cho bà K, mỗi lần như thế thì bà K có trả tiền hoa hồng cho bà Q, trả bao nhiêu thì bà Q không nhớ. Đến khi bà T, bà L, ông Tr và ông Sang góp lãi quá nhiều không còn khả năng trả nợ thì bà Q có dẫn bà T, bà L, ông Tr đến gặp bà K, lúc đó giữa bà T, bà L, ông Tr có thỏa thuận với bà K từ việc đóng lãi hàng ngày, sẽ chuyển qua đóng lãi hàng tháng và bà T, bà L, ông Tr có viết biên nhận trực tiếp cho bà K. Đối với bà T, bà L, ông Tr đã trả cho bà K được bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu thì bà không nhớ do thời gian quá lâu. Đối với ông Sang đã góp được cho bà K trong một thời gian dài, sau đó ông Sang nói không còn khả năng trả, yêu cầu tính lại nếu thống nhất còn 100.000.000 đồng thì ông Sang sẽ trả 02 lần, lúc đó bà Q có nói với bà K, bà K cũng thống nhất. Lần đầu ông Sang đã trả được 50.000.000 đồng (trong đó bà K cho bà Q 7.000.000 đồng), còn lại 43.000.000 đồng cha chồng bà Q là (ông 5 Sanh) có đưa cho bà K và bà K có làm biên nhận. Sau đó ông Sang góp được thêm 05 lần mỗi lần 2.000.000 đồng, với số tiền 10.000.000 đồng và bà Q đã đưa cho bà K.

Đối với biên nhận do bà K cung cấp thì bà Q thừa nhận là chữ viết và chữ ký của bà Q, tuy nhiên số tiền trong biên nhận là không đúng. Nhưng số tiền cụ thể thì bà Q không nhớ, do việc vay tiền xảy ra nhiều lần.

Nay bà K yêu cầu bà Q trả số tiền 365.000.000 đồng thì bà Q không đồng ý, bà Q chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng và 40.000.000 đồng ông Sang còn nợ, còn đối với số tiền của bà T, bà L, ông Tr còn nợ thì yêu cầu bà K đòi bà T, bà L, ông Tr. Bà Q không có trách nhiệm trong khoảng nợ này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền còn nợ 365.000.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thanh Q trả số tiền đã vay là 365.000.000 đồng, bị đơn không thống nhất cho rằng chỉ còn nợ 25.000.000 đồng, phần tiền còn lại là bà Q đứng ra nhận dùm và đưa lại cho những người khác vay lại. Do các bên không thống nhất được số tiền còn nợ cũng như cách trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 06/11/2015 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bị đơn Nguyễn Thanh Q. Tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2020 (bút lục 21) cũng như tại phiên tòa bà Q thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ là của bà Q. Căn cứ theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Bà Q cho rằng trong số tiền 450.000.000 đồng bà viết biên nhận nợ cho bà K thì trong đó có

bà Trần Thị Mộng T vay 30.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L vay 70.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh Tr vay 60.000.000 đồng, ông Sang vay 285.000.000 đồng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, cũng như lời trình bày bà K không được phía địa diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận; Qua xác minh tại ấp 7, xã LTA thì các đương sự có tên nêu trên không có mặt tại địa phương (được thể hiện qua bút lục 23, 24, 25). Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó việc bà Q từ chối nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng từ ngày vay bà Q có trả tiền nhiều lần được 85.000.000 đồng. Xét thấy, sự thừa nhận trên có lợi cho bà Q nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh Q trả số tiền 365.000.000 đồng là có cơ sở để Tòa án chấp nhận và phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Về lãi chậm trả: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả trong giai đoạn xét xử nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thanh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị K.

Buộc bị đơn Nguyễn Thanh Q trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị K số tiền 365.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thanh Q phải chịu số tiền 18.250.000 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nguyên đơn Nguyễn Thị K, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Diễm M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng *(mười một triệu đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0000461 phiếu lập ngày 22/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23-12-2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;